

BẢN TIN DỰ BÁO THỦY VĂN HẠN NGẮN CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến xu thế mực nước:

- Đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông : Mực nước cao nhất ngày tại các trạm biến đổi chậm trong 1-2 ngày đầu, những ngày sau lên lại theo triều; mực nước thấp nhất ngày biến đổi chậm trong những ngày tới.

- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước trên các sông, kênh, rạch biến đổi chậm trong những ngày tới.

2. Bảng số liệu dự báo từ ngày 07/02 đến 11/02/2025

STT	Trạm	sông, kênh, rạch	Cấp báo động (m)			Đặc trung	Mực nước thực đo (m)			Mực nước dự báo (m)				
			BĐ I	BĐ II	BĐ III		06/2	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	07/2	08/2	09/2	10/2	11/2
1	Tân Châu	Tiền	3.50	4.00	4.50	Max	1.37	0.30	0.09	1.26	1.28	1.30	1.33	1.37
						Min	-0.04	0.42	-0.04	-0.10	-0.14	-0.18	-0.22	-0.22
2	Chợ Mới	Ông Chưởng	2.00	2.50	3.00	Max	1.51	0.39	0.27	1.39	1.41	1.43	1.46	1.50
						Min	-0.10	0.49	-0.10	-0.16	-0.20	-0.24	-0.28	-0.30
3	Khánh An	Hậu	4.20	4.70	5.20	Max	1.21	0.29	-0.09	1.23	1.25	1.27	1.30	1.32
						Min	0.37	0.47	0.37	0.31	0.27	0.23	0.19	0.17
4	Châu Đốc	Hậu	3.00	3.50	4.00	Max	1.59	0.36	0.28	1.49	1.51	1.53	1.56	1.60
						Min	0.03	0.49	0.03	-0.03	-0.07	-0.11	-0.15	-0.17
5	Long Xuyên	Hậu	1.90	2.20	2.50	Max	1.64	0.40	0.32	1.56	1.58	1.60	1.63	1.67
						Min	-0.06	0.52	-0.06	-0.12	-0.16	-0.20	-0.24	-0.26
6	Vàm Nao	Vàm Nao	2.50	2.90	3.30	Max	1.51	0.35	0.23	1.40	1.42	1.44	1.47	1.51
						Min	-0.08	0.47	-0.08	-0.14	-0.18	-0.22	-0.26	-0.28
7	Xuân Tô	Vĩnh Tế	3.00	3.50	4.00	Max	0.43	0.26	-0.07	0.42	0.43	0.44	0.46	0.46
						Min	0.15	0.32	0.15	0.17	0.17	0.16	0.17	0.18
8	Vĩnh Gia	Vĩnh Tế	2.00	2.40	2.80	Max	0.29	0.24	-0.06	0.28	0.29	0.30	0.32	0.32
						Min	0.22	0.23	0.22	0.23	0.23	0.22	0.23	0.24
9	Tri Tôn	Tri Tôn	2.00	2.40	2.80	Max	0.51	0.24	0.00	0.52	0.52	0.54	0.55	0.56
						Min	0.22	0.31	0.22	0.20	0.20	0.19	0.20	0.21
10	Cô Tô	Tri Tôn	1.40	1.80	2.20	Max	0.61	0.23	0.13	0.62	0.62	0.64	0.65	0.66
						Min	0.44	0.27	0.44	0.42	0.42	0.41	0.42	0.43
11	Lò Gạch	Tám Ngàn	1.70	2.10	2.50	Max	0.30	0.25	0.02	0.29	0.30	0.31	0.33	0.33
						Min	0.21	0.32	0.21	0.23	0.23	0.22	0.23	0.24
12	Vọng Thê	Ba Thê	1.40	1.80	2.20	Max	0.82	0.25	0.19	0.83	0.83	0.85	0.86	0.87
						Min	0.62	0.33	0.62	0.60	0.58	0.58	0.59	0.60
13	Vĩnh Hanh	Núi Chóc Năng Gù	1.90	2.30	2.70	Max	1.07	0.23	0.18	1.08	1.08	1.10	1.11	1.12
						Min	0.56	0.38	0.56	0.54	0.52	0.52	0.53	0.54
14	Núi Sập	Rạch Giá Long Xuyên	1.40	1.80	2.20	Max	0.79	0.22	0.06	0.80	0.80	0.82	0.83	0.84
						Min	0.53	0.33	0.53	0.51	0.49	0.49	0.50	0.51

3. Cảnh báo (nếu có):

4. Ghi chú:

- Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van>